

Phụ lục 2. GIÁO DỤC MẦM NON, GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Ngọc Tú)

STT	Nội dung / Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026	Năm học 2026-2027 (dự kiến)
I	Mạng lưới trường, lớp học				
1	Tổng số				
-	Số trường công lập	Trường	6	6	3
-	Số trường ngoài công lập	Trường	0	0	0
-	Số lớp công lập	Lớp	90	91	93
-	Số lớp ngoài công lập	Lớp	0	0	0
2	Mầm non				
-	Số trường công lập	Trường	2	2	1
-	Số trường ngoài công lập	Trường	0	0	0
-	Số lớp công lập	Lớp	27	28	28
-	Số lớp ngoài công lập	Lớp	0	0	0
3	Tiểu học				
-	Số trường công lập	Trường	2	2	1
-	Số trường ngoài công lập	Trường	0	0	0
-	Số lớp công lập	Lớp	43	43	43
-	Số lớp ngoài công lập	Lớp	0	0	0
4	Trung học cơ sở				
-	Số trường công lập	Trường	2	2	1
-	Số trường ngoài công lập	Trường	0	0	0
-	Số lớp công lập	Lớp	20	20	22
-	Số lớp ngoài công lập	Lớp	0	0	0
II	Quy mô trẻ em mầm non, học sinh phổ thông				
1	Tổng số các cấp học	Học sinh			
-	Công lập	Học sinh	2.426	2.559	2.656
-	Ngoài công lập	Học sinh	0	0	0
2	Mầm non	Học sinh			
-	Công lập	Học sinh	779	832	847
-	Ngoài công lập	Học sinh	0	0	0
3	Tiểu học	Học sinh			
-	Công lập	Học sinh	1.051	1.085	1.124
-	Ngoài công lập	Học sinh	0	0	0
4	Trung học cơ sở	Học sinh			
-	Công lập	Học sinh	596	642	684
-	Ngoài công lập	Học sinh	0	0	0
III	Thực trạng phòng học tại các cơ sở GD công lập				
1	Mầm non				
-	Tổng số phòng học	Phòng	28	28	28
-	Trong đó: Kiên cố	Phòng	0	0	0

-	Phòng học đa chức năng	Phòng	1	1	1
2	<i>Tiểu học</i>				
-	Tổng số phòng học	Phòng	51	51	48
-	Trong đó: Kiên cố	Phòng	0	0	0
-	Phòng bộ môn	Phòng	5	5	5
-	Phòng học đa chức năng	Phòng	0	0	0
3	<i>Trung học cơ sở</i>				
-	Tổng số phòng học	Phòng	20	20	22
-	Trong đó: Kiên cố	Phòng	18	18	20
-	Phòng bộ môn	Phòng	7	7	9
-	Phòng học đa chức năng	Phòng	0	0	0
IV	Nhu cầu phòng học để bảo đảm 1 phòng/lớp (Công lập)				
1	<i>Mầm non</i>				
-	Hiện có	Phòng	28	28	28
-	Cần có	Phòng	28	28	28
-	Còn thiếu	Phòng	0	0	0
2	<i>Tiểu học</i>				
-	Hiện có	Phòng	56	56	53
-	Cần có	Phòng	56	56	53
-	Còn thiếu	Phòng	0	0	0
3	<i>Trung học cơ sở</i>				
-	Hiện có	Phòng	20	20	22
-	Cần có	Phòng	20	20	24
-	Còn thiếu	Phòng	0	0	4
V	Thực trạng thiết bị dạy học tối thiểu (Công lập)				
1	<i>Mầm non</i>				
-	Hiện có	Bộ	5	5	5
-	Cần có	Bộ	15	16	28
-	Còn thiếu	Bộ	15	16	28
2	<i>Tiểu học</i>				
-	Hiện có	Bộ	9	9	16
-	Cần có	Bộ	0	0	22
-	Còn thiếu	Bộ	0	0	13
3	<i>Trung học cơ sở</i>				
-	Hiện có	Bộ	170	170	170
-	Cần có	Bộ	733	733	733
-	Còn thiếu	Bộ	684	684	684